TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2023/TLST–HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lý C**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số F, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Liêu Thị Tú N**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lý C trình bày: Vào năm 2011, ông C và bà N tự nguyện kết hôn với nhau, được hai gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, số A, quyển I/2014, ngày 28/8/2014. Vợ chồng đến nay không có con chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2016, vợ chồng bất hòa do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Vì vậy, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân 06 năm nay. Nhận thấy

không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N được nữa, nay ông Lý C yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Liêu Thị Tú N.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Liêu Thị Tú N: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, bà N không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của bà N.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét về tình trạng hôn nhân: Vào năm 2011, ông Lý C và bà Liêu Thị Tú N có tổ chức cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K vào ngày 28/8/2014 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông C và bà N thường hay mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay bà N đã vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và có tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Mặt khác, các đương sự đã sống ly thân hơn 06 năm nay. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Lý C không đồng ý tiếp tục chung sống với bà N nữa và cương quyết ly hôn nên đây là quyền tự định đoạt, quyết định của ông C theo quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của ông Lý C là có cơ sở chấp nhận; Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích trên.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, tại phiên tòa, bị đơn bà Liêu Thị Tú N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông C và bà Nguyên phát s nhiều mâu thuẫn, ly thân từ 06 năm nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, ông C và bà N sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân đã lâu. Bà N cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[2.2] Về con chung: Ông C khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý C được ly hôn với bà Liêu Thị Tú N.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông Lý C phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006270 ngày 16/02/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa